

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số thuế: 3707149145

Lưu

CỤC THUẾ NHÀ NƯỚC TỈNH BÌNH DƯƠNG  
PHÒNG KẾ KHAI VÀ KẾ TOÁN THUẾ

31-03-2016

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

## MỤC LỤC

## Trang

- |   |         |
|---|---------|
| 1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC        | 01 - 02 |
| 2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP            | 03 - 04 |
| 3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN                 | 05 - 06 |
| 4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 07      |
| 5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ           | 08      |
| 6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH        | 09 - 38 |



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây Dựng và Dịch Vụ Công Cộng Bình Dương (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty Cổ phần Xây Dựng và Dịch Vụ Công Cộng Bình Dương là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700149145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 14 tháng 04 năm 2006 (thay đổi lần thứ 9 ngày 16 tháng 06 năm 2014)

Vốn điều lệ 54.000.000.000 đồng

Vốn thực góp 54.000.000.000 đồng

#### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0650 382 1983

Fax: 0650 382 1983

Email: [ccbd91@yahoo.com.vn](mailto:ccbd91@yahoo.com.vn)

Mã số thuế: 3700149145

#### Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

##### Hội đồng quản trị:

Ông Nguyễn Tấn Đạt

Ông Lê Hữu Nghĩa

Ông Trần Danh

Ông Trần Thiện Thê

Ông Nguyễn Văn Tài

##### Chức vụ

Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

##### Ban kiểm soát

Ông Huỳnh Tấn Tài

Ông Nguyễn Thành Liêm

Bà Võ Thị Thanh Thảo

##### Chức vụ

Trưởng BKS

Kiểm soát viên

Kiểm soát viên

#### Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng:

Ông Trần Danh

Ông Lê Hữu Nghĩa

Bà Đồng thị Ngân Thương

##### Chức vụ

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

#### Ngành nghề kinh doanh

Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất. Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp. Kinh doanh bia, nước ngọt, ăn uống, nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ. Dịch vụ karaoke, cho thuê xe du lịch. Khai thác khoáng sản. Thu gom, xử lý rác sinh hoạt và rác thải công nghiệp. Thu gom, xử lý rác vệ sinh khu công nghiệp. Chế biến phân hữu cơ từ nguyên liệu rác thải. Xây dựng, duy tu hệ thống đèn chiếu sáng công cộng. Trồng, chăm sóc và quản lý hệ thống cây xanh thuộc các công trình công cộng. Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng hệ thống giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh. Quản lý nghĩa trang Quảng Đông TX. Thuận An và nghĩa trang Triều Châu TX. Dĩ An. Dịch vụ cho thuê nhà cho người có thu nhập thấp. Cung cấp nước sạch ở TX. Thuận An và Dĩ An. Dịch vụ mai táng và hỏa táng. Dịch vụ cầm đồ. Kinh doanh bất động sản. May trang phục (không hoạt động tại trụ sở).



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Tổng Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

### Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

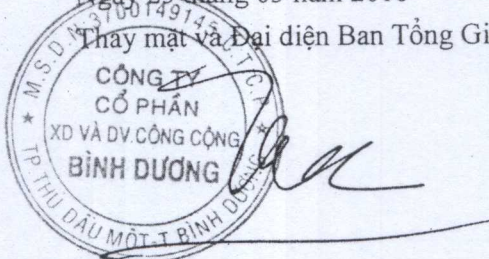
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 25 tháng 03 năm 2016

Thay mặt và Đại diện Ban Tổng Giám đốc



Trần Danh  
Tổng Giám đốc





Số 16035/2016/BCKT-TBD

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây Dựng và Dịch Vụ Công Cộng Bình Dương, được lập ngày 25 tháng 03 năm 2016, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



(BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TIẾP THEO)

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây Dựng và Dịch Vụ Công Cộng Bình Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2016

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)**

**Giám đốc**



**Nguyễn Thành Đức**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1498-2013-196-1

**Kiểm toán viên**

**Trần Minh Bảo**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3219-2015-196-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2015	TẠI NGÀY 01/01/2015
<b>A-TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>30.610.187.382</b>	<b>21.736.239.075</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>11.778.323.104</b>	<b>9.468.874.772</b>
1. Tiền	111	V.01a	3.138.556.437	9.468.874.772
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.01b	8.639.766.667	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>15.316.877.468</b>	<b>5.793.003.589</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	7.114.292.535	3.406.915.494
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	8.170.900.915	1.898.241.237
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	84.582.118	540.744.958
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(52.898.100)	(52.898.100)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3.402.956.682</b>	<b>6.459.360.714</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.06	3.402.956.682	6.459.360.714
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>112.030.128</b>	<b>15.000.000</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	112.030.128	15.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>106.323.638.654</b>	<b>102.029.940.154</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.314.386.000</b>	<b>1.662.819.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	2.314.386.000	1.662.819.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>18.314.270.407</b>	<b>19.198.655.470</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	10.780.280.829	11.206.361.388
Nguyên giá	222		26.869.086.275	27.779.098.845
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.088.805.446)	(16.572.737.457)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	7.533.989.578	7.992.294.082
Nguyên giá	228		10.078.231.700	10.078.231.700
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.544.242.122)	(2.085.937.618)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>18.631.287.200</b>	<b>18.252.940.200</b>
Nguyên giá	231	V.10	18.631.287.200	18.252.940.200
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>166.572.150</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	-	166.572.150
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>66.908.510.000</b>	<b>62.673.510.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V02a	64.006.000.000	59.906.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V02a	3.022.510.000	3.022.510.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V02a	(120.000.000)	(255.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>155.185.047</b>	<b>75.443.334</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	155.185.047	75.443.334
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>136.933.826.036</b>	<b>123.766.179.229</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2015	TẠI NGÀY 01/01/2015
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>31.745.291.369</b>	<b>35.405.164.071</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.947.142.816</b>	<b>11.439.808.533</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	235.275.920	334.499.408
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	808.923.000	457.280.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.254.052.744	1.233.721.590
4. Phải trả người lao động	314	V.15	2.418.112.927	1.326.449.508
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	450.000.000	667.375.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17a	41.607.274	41.329.092
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	684.134.379	7.317.016.863
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	12.000.000	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	43.036.572	62.136.572
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>25.798.148.553</b>	<b>23.965.355.538</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17b	5.574.905.153	3.789.112.138
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	223.243.400	176.243.400
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21	20.000.000.000	20.000.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

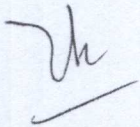
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015


Đơn vị tính: VND

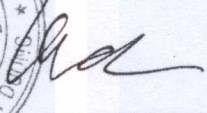
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>105.188.534.667</b>	<b>88.361.015.158</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>105.184.887.129</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	54.000.000.000	54.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	54.000.000.000	54.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	15.530.774.560	13.579.673.100
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	35.654.112.569	20.780.408.861
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	17.528.573.094	7.773.065.794
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	18.125.539.475	13.007.343.067
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>3.647.538</b>	<b>933.197</b>
1. Nguồn kinh phí	431	3.647.538	933.197
2. Nguồn kinh phí đã hình thành	432	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>136.933.826.036</b>	<b>123.766.179.229</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 25 tháng 03 năm 2016

  
**Võ Thị Thanh Thảo**  
 Người lập biểu

  
**Đồng Thị Ngân Thương**  
 Kế toán trưởng

  
**Trần Danh**  
 Tổng Giám đốc





CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	336.321.175.966	251.538.294.532
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		336.321.175.966	251.538.294.532
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	304.006.574.454	226.928.489.313
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		32.314.601.512	24.609.805.219
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	200.524.401	1.326.710.890
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	2.003.689.376	2.557.776.370
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		147.171.726	515.261.250
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	3.361.461.767	2.875.024.621
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	5.909.028.543	5.296.812.806
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.240.946.227	15.206.902.312
11. Thu nhập khác	31	VI.07	1.513.655.639	936.363.491
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		1.513.655.639	936.363.491
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.754.601.866	16.143.265.803
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	4.629.062.391	3.135.922.736
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18.125.539.475	13.007.343.067
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3.357	2.409
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

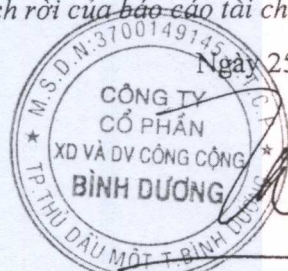
Ngày 25 tháng 03 năm 2016

*Th*

Võ Thị Thanh Thảo  
Người lập biểu

*h*

Đồng Thị Ngân Thương  
Kế toán trưởng



Trần Danh  
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng , cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		203.826.083.658	158.968.259.566
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(320.788.520.129)	(232.890.973.491)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(10.807.991.157)	(12.335.964.488)
4. Tiền chi trả lãi vay	04			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(4.692.033.714)	(3.384.244.174)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		172.732.413.661	127.404.916.600
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(33.137.868.036)	(26.734.654.981)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>7.132.084.283</b>	<b>11.027.339.032</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm , xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(879.757.321)	(194.232.080)
2. Tiền thu từ thanh lý , nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		26.363.636	20.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay , bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(4.100.000.000)	(12.700.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay , cổ tức và lợi nhuận được chia	27		130.757.734	1.324.411.980
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(4.822.635.951)</b>	<b>(11.549.820.100)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu , nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của Doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn , dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

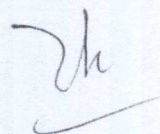
(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

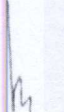
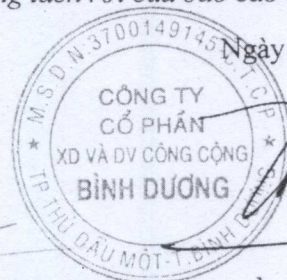
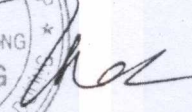
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		2.309.448.332	(522.481.068)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		9.468.874.772	9.991.355.840
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đầu kỳ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		11.778.323.104	9.468.874.772

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 25 tháng 03 năm 2016



Võ Thị Thanh Thảo  
Người lập biểu

Đồng Thị Ngân Thương  
Kế toán trưởng

Trần Danh  
Tổng Giám đốc



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây Dựng và Dịch Vụ Công Cộng Bình Dương là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700149145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 14 tháng 04 năm 2006 (thay đổi lần thứ 9 ngày 16 tháng 06 năm 2014)

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

- Vốn điều lệ: 54.000.000.000 VND

- Vốn thực góp: 54.000.000.000 VND

Trụ sở đặt tại: Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

#### Danh sách các công ty con

- Cty CP Đầu Tư Hoa Viên - Nghĩa Trang - Long Xuyên

- Cty CP Đầu Tư Phú Hưng Viên

#### Công ty có các chi nhánh trực thuộc

- Nhà nghỉ Hương Tràm 1: Số 87A Đường ĐT745, Khu Phố Đông Tư, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương;

- Khách sạn Hương Tràm 2: Lô C5, Hoàng Văn Thụ, Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thủ Dầu 1, Tỉnh Bình Dương;

- Nghĩa Trang Lái Thiêu: 2C/2D Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hoà, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương;

- Nghĩa Trang Dĩ An: Khu phố Tân An, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương;

- Cửa Hàng Tự Lực: Số 2C/2E Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hoà, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương;

- Trạm Bơm Nước Lái Thiêu: Số 1A Phan Đình Phùng, Khu phố chợ, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương;

- Cửa hàng Tự Lực Dĩ An: Số 133/1A Khu phố Đông An, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương;

- Cửa hàng Tự Lực Tân Uyên: Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 01, tổ 1, Khu phố 7, Phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương;

- Nhà nghỉ Hương Tràm 3: Số 133/1A Khu phố Đông An, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương;

- Khách sạn Hương Tràm 4: Phường Tân Định, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 3. Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất. Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp. Kinh doanh bia, nước ngọt, ăn uống, nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ. Dịch vụ karaoke, cho thuê xe du lịch. Khai thác khoáng sản. Thu gom, xử lý rác sinh hoạt và rác thải công nghiệp. Thu gom, xử lý rác vệ sinh khu công nghiệp. Chế biến phân hữu cơ từ nguyên liệu rác thải. Xây dựng, duy tu hệ thống đèn chiếu sáng công cộng. Trồng, chăm sóc và quản lý hệ thống cây xanh thuộc các công trình công cộng. Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng hệ thống giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh. Quản lý nghĩa trang Quảng Đông TX. Thuận An và nghĩa trang Triều Châu TX. Dĩ An. Dịch vụ cho thuê nhà cho người có thu nhập thấp. Cung cấp nước sạch ở TX. Thuận An và Dĩ An. Dịch vụ mai táng và hỏa táng. Dịch vụ cầm đồ. Kinh doanh bất động sản. May trang phục (không hoạt động tại trụ sở).

## II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VNĐ) trong hạch toán kế toán.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam.

### 3. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Nhật ký chung



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

*Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:*

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

*Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng Nhà nước vào ngày phát sinh nghiệp vụ;

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

#### 2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

#### 3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

##### a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

##### b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Nhập trước xuất trước

##### c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

### d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Trong năm, việc trích lập dự phòng này đơn vị chưa đủ điều kiện để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo phương pháp trên.

## 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

### a. TSCĐ hữu hình:

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

*Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:*

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

## 5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí nghiên cứu;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn.

## 6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

#### a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được Chi phí phát sinh và Chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### d. Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo phương pháp tỉ lệ phần trăm công việc hoàn thành dựa vào mức độ hoàn thành công việc vào ngày kết thúc năm tài chính.

### 9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Lãi vay thuê tài chính;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền****a Tiền****Tiền mặt tại quỹ**

+ Tiền mặt tại quỹ VND

Tiền mặt tại Văn phòng công ty

Tiền mặt tại Cửa hàng Tự Lực

Tiền mặt tại Căn tin Hương Tràm 1

Tiền mặt tại Căn tin Hương Tràm 2

Tiền mặt tại Căn tin Hương Tràm 4

Tiền mặt tại CHTL Tân Uyên

**Tiền gửi ngân hàng VND**

- Tiền gửi Ngân hàng tại văn phòng công ty

- Tiền gửi Ngân hàng tại Cửa hàng Tự Lực

- Tiền gửi Ngân hàng tại CHTL Tân Uyên

- Tiền gửi Ngân hàng (lưu ký chứng khoán)

**Tổng cộng****b Các khoản tương đương tiền**

- NH TMCP Công Thương Việt Nam

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

	Cuối năm	Đầu năm
<b>Tiền mặt tại quỹ</b>	<b>2.417.377.023</b>	<b>1.659.446.374</b>
+ Tiền mặt tại quỹ VND	2.417.377.023	1.659.446.374
Tiền mặt tại Văn phòng công ty	974.431.054	333.165.633
Tiền mặt tại Cửa hàng Tự Lực	903.268.420	814.987.351
Tiền mặt tại Căn tin Hương Tràm 1	686.159	2.936.159
Tiền mặt tại Căn tin Hương Tràm 2	-	4.550.859
Tiền mặt tại Căn tin Hương Tràm 4	3.127.069	4.369.769
Tiền mặt tại CHTL Tân Uyên	535.864.321	499.436.603
<b>Tiền gửi ngân hàng VND</b>	<b>721.179.414</b>	<b>7.809.428.398</b>
- Tiền gửi Ngân hàng tại văn phòng công ty	6.125.215	7.652.278.916
- Tiền gửi Ngân hàng tại Cửa hàng Tự Lực	100.270.683	6.735.267
- Tiền gửi Ngân hàng tại CHTL Tân Uyên	612.388.461	118.446.147
- Tiền gửi Ngân hàng (lưu ký chứng khoán)	2.395.055	31.968.068
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.778.323.104</b>	<b>9.468.874.772</b>
<b>b Các khoản tương đương tiền</b>	<b>8.639.766.667</b>	
- NH TMCP Công Thương Việt Nam	8.639.766.667	-







CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**3. Phải thu khách hàng**

*a Phải thu của khách hàng ngắn hạn*

	Cuối năm	Đầu năm
- Nước Lái Thiêu	3.627.700	7.584.399
- Các khách hàng của Cửa hàng Tự Lực	2.562.952.800	1.742.233.100
- Công ty TNHH TM XNK may Tân Thiên Mã	212.565.292	212.565.292
- Khách sạn Hương Tràm 2	32.078.000	32.078.000
- CHTL Tân Uyên	1.037.155.000	784.403.000
- Cơ sở Mai Táng	55.538.521	55.538.521
- Đỗ Thanh Phong	-	15.825.000
- Các khách hàng chăm sóc mộ Nghĩa Trang Dĩ An	683.050.000	533.120.000
- Công ty Thiết bị Công nghiệp Việt - HT	51.482.902	23.568.182
- Đài hỏa táng	158.505.000	
- Công ty TNHH BĐS An Phú Gia	2.307.640.000	
- Đoàn Thị Kim Giang	9.000.000	
- Trần Minh Khanh	697.320	
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.114.292.535</b>	<b>3.406.915.494</b>

**4. Trả trước cho người bán**

	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty CP Tư vấn & XD Tổng hợp Bình Dương	67.500.000	67.500.000
- Nguyễn Văn Nghĩa	-	20.000.000
- Công ty TNHH Kiểm Toán Thái Bình Dương	16.500.000	16.500.000
- Công ty TNHH Thiết Bị Công Nghiệp Việt	-	66.000.000
- Đỗ Ngọc Trúc	-	300.000.000
- Lê Minh Tâm	90.000.000	50.000.000
- Công ty TNHH TMDV Triệu Quang	-	11.253.000
- Cửa hàng Tự Lực (*)	7.374.824.390	1.311.022.572
- Cửa hàng Tự lực Tân Uyên (**)	601.396.525	55.965.665
- Công ty TNHH Giấy In Liên Sơn	20.680.000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.170.900.915</b>	<b>1.898.241.237</b>

Chi tiết công nợ của các Cửa hàng trực thuộc Chi nhánh Công ty bao gồm các nhà cung cấp tại ngày 31/12/2015 như sau:

<b>(*) Cửa hàng Tự Lực</b>	<b>7.374.824.390</b>	<b>1.311.022.572</b>
+ Công ty TNHH Bia và Nước giải khát Việt Nam	6.659.925.499	1.000.769.961
+ Công ty TNHH MTV Đồng Hiệp Lợi	714.898.891	310.252.611
<b>(**) Cửa hàng Tự lực Tân Uyên</b>	<b>601.396.525</b>	<b>55.965.665</b>
+ Công ty TNHH Bia và Nước giải khát Việt Nam	440.531.657	9.718.847
+ Công ty TNHH MTV Đồng Hiệp Lợi	160.864.868	46.026.818
+ Tự lực Thuận An		220.000



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. Các khoản phải thu khác	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a Ngắn hạn</b>				
- Ông Phạm Hoài Nam	1.916.857		1.916.857	
- Phan Thanh Giảng	5.764.623		32.838.101	
- Đất Bình chuẩn	1.850.000		1.850.000	
- Trần Đại Nghĩa	5.000.000		23.000.000	
- Cty TNHH Thiết Bị Công Nghiệp Việt-HT	11.700			
- Tạm ứng nhân viên	41.775.000		40.500.000	
- Phải thu khác	28.263.938		440.640.000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>84.582.118</b>		<b>540.744.958</b>	
<b>b Dài hạn</b>				
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Ký cược, ký quỹ;	2.314.386.000		1.662.819.000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.314.386.000</b>	<b>-</b>	<b>1.662.819.000</b>	<b>-</b>

(\*+\*\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 tiền ký quỹ, ký cược là các khoản tiền đặt cọc vỏ chai cho Công ty TNHH Bia và Nước Giải Khát Việt Nam với số tiền 2.312.766.000 đồng. Trong đó, tại Cửa hàng Tự Lực số tiền 2.219.286.000 đồng và Cửa hàng Tự lực Tân Uyên số tiền: 93.480.000 đồng.

6. Hàng tồn kho	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	149.497.746		139.400.305	
Công cụ, dụng cụ	177.452.000		171.752.000	
Hàng hoá	3.045.113.054		6.103.606.345	
Hàng gửi đi bán	30.893.882		44.602.064	
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.402.956.682</b>	<b>-</b>	<b>6.459.360.714</b>	<b>-</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

7. Chi phí trả trước	Đầu năm	Tăng	Kết chuyển chi phí	Cuối năm
a Chi phí trả trước ngắn hạn	15.000.000	546.481.291	449.451.163	112.030.128
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.000.000</b>	<b>546.481.291</b>	<b>449.451.163</b>	<b>112.030.128</b>
b Chi phí trả trước dài hạn	Đầu năm	Tăng	Kết chuyển chi phí	Cuối năm
	75.443.334	186.222.057	106.480.344	155.185.047
<b>Tổng cộng</b>	<b>75.443.334</b>	<b>186.222.057</b>	<b>106.480.344</b>	<b>155.185.047</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 8. Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
- Số dư đầu năm	16.735.979.860	5.828.806.562	5.214.312.423	-	-	27.779.098.845
- Mua trong năm	281.567.795	51.865.000	370.984.635	-	-	704.417.430
- Thanh lý, nhượng bán		(1.534.080.000)	(80.350.000)		-	(1.614.430.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>17.017.547.655</b>	<b>4.346.591.562</b>	<b>5.504.947.058</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>26.869.086.275</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>						
- Số dư đầu năm	7.389.020.563	5.588.828.994	3.594.887.900	-	-	16.572.737.457
- Khấu hao trong năm	492.383.766	77.368.309	560.745.914	-	-	1.130.497.989
- Thanh lý, nhượng bán		(1.534.080.000)	(80.350.000)		-	(1.614.430.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.881.404.329</b>	<b>4.132.117.303</b>	<b>4.075.283.814</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>16.088.805.446</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
- Số dư đầu năm	9.346.959.297	239.977.568	1.619.424.523	-	-	11.206.361.388
- Số dư cuối năm	<b>9.136.143.326</b>	<b>214.474.259</b>	<b>1.429.663.244</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10.780.280.829</b>
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng bao gồm:						
Nhà cửa, vật kiến trúc		4.077.080.058				
Máy móc thiết bị		3.824.107.515				
PTVTài, truyền dẫn		1.967.874.003				
<b>Tổng cộng</b>		<b>9.869.061.576</b>				

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### 9. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
- Số dư đầu năm	10.078.231.700			-		10.078.231.700
- Mua trong năm						-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.078.231.700</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10.078.231.700</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>						
- Số dư đầu năm	2.085.937.618			-	-	2.085.937.618
- Khấu hao trong năm	458.304.504			-	-	458.304.504
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.544.242.122</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.544.242.122</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
- Số dư đầu năm	7.992.294.082	-	-	-	-	7.992.294.082
<b>- Số dư cuối năm</b>	<b>7.533.989.578</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.533.989.578</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

- 10. Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư  
*Bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá*

Nguyên giá	Quyền sử dụng đất	Nhà	Nhà và quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	Khác	Tổng cộng
- Số dư đầu năm	18.252.940.200				-	18.252.940.200
- Mua trong năm	800.000.000					800.000.000
- Giảm trong năm	(421.653.000)					(421.653.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>18.631.287.200</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>18.631.287.200</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>						
- Số dư đầu năm	-				-	-
- Khấu hao trong năm	-				-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
- Số dư đầu năm	18.252.940.200	-	-	-	-	18.252.940.200
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>18.631.287.200</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>18.631.287.200</b>

Quyền sử dụng đất bao gồm:

Thửa đất	Người đứng tên	Số tiền	Thời gian sử dụng
QSD đất tại Thị Trấn An Thạnh (*)	Lê Hữu Nghĩa	3.821.260.000	Đến 12/2023
QSD đất Mỹ Phước 3 (**)	Trần Danh, Nguyễn Tấn Đạt	542.700.000	Không thời hạn



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

QSD đất Thạnh Bình (***)	Lê Hữu Nghĩa	1.061.820.000	Từ 04/12/09 đến 03/05/20
QSD đất KDC Chánh Nghĩa (E5-Ô14,15,16)	Cty CP Xây dựng và DV Công Cộng Bình Dương	4.592.000.000	Không thời hạn
QSD đất Thủ Dầu 1, Bình Dương (Lô VH-Ô67)	Cty CP Xây dựng và DV Công Cộng Bình Dương	2.486.707.200	Không thời hạn
QSD đất Thủ Dầu 1, Bình Dương (Lô VH-Ô7)	Cty CP Xây dựng và DV Công Cộng Bình Dương	1.793.600.000	Không thời hạn
QSD đất Thủ Dầu 1, Bình Dương (Lô VH-Ô8)	Cty CP Xây dựng và DV Công Cộng Bình Dương	1.739.600.000	Không thời hạn
QSD đất Thủ Dầu 1, Bình Dương (Lô VH-Ô9)	Cty CP Xây dựng và DV Công Cộng Bình Dương	1.793.600.000	Không thời hạn
QSD đất Tân Uyên, Bình Dương	Cty CP Xây dựng và DV Công Cộng Bình Dương	800.000.000	Không thời hạn
<b>Tổng cộng</b>		<b>18.631.287.200</b>	

(\*) Ông Lê Hữu Nghĩa được ủy quyền đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Thị Trấn An Thạnh theo Giấy Ủy quyền số 07/TGD-UQ ngày 28/01/2008 với thời hạn ủy quyền khi công ty có nhu cầu thu hồi.

(\*\*) Ông Nguyễn Tấn Đạt được ủy quyền đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại KDC Mỹ Phước 3 theo Giấy Ủy quyền số 49/TGD-UQ ngày 27/06/2008 với thời hạn ủy quyền khi công ty có nhu cầu thu hồi.

(\*\*\*) Ông Lê Hữu Nghĩa được ủy quyền đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Thạnh Bình theo Giấy Ủy quyền số 298A/TGD-UQ ngày 20/10/2009 với thời hạn ủy quyền khi công ty có nhu cầu thu hồi.



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

11. Tài sản dở dang dài hạn		Cuối năm		Đầu năm	
a	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	166.572.150	166.572.150
	<b>Tổng cộng</b>	-	-	<b>166.572.150</b>	<b>166.572.150</b>
12. Phải trả người bán		Cuối năm		Đầu năm	
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
-	Nghĩa Trang Dĩ An	64.882.000	64.882.000	33.000.000	33.000.000
-	Nghĩa Trang Lái Thiêu	21.594.700	21.594.700	70.341.786	70.341.786
-	Cty TNHH MTV Thương mại Sắt thép Lộc Phước An	-	-	25.217.280	25.217.280
-	Công ty TNHH Thiết Bị Công Nghiệp Việt - HT	101.218.700	101.218.700	62.182.800	62.182.800
-	Cửa hàng tự lực Tân Uyên	-	-	143.757.542	143.757.542
-	Nguyễn Thị Kim Thủy	47.580.520	47.580.520	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>235.275.920</b>	<b>235.275.920</b>	<b>334.499.408</b>	<b>334.499.408</b>
13. Người mua trả tiền trước		Cuối năm		Đầu năm	
-	Tiền Thiết kế sửa chữa nhà phố			7.000.000	7.000.000
-	Ứng trước các khách hàng Cửa hàng Tự Lực			801.923.000	450.280.500
	<b>Tổng cộng</b>			<b>808.923.000</b>	<b>457.280.500</b>
14. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước		Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
	Thuế GTGT	136.964.856	2.525.516.834	2.298.329.888	364.151.802
	Thuế TNDN	593.306.871	4.629.062.391	4.692.033.714	530.335.548
	Thuế TNCN	331.411.296	606.441.904	722.992.056	214.861.144
	Thuế tài nguyên	872.280	10.975.770	11.016.900	831.150
	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	209.270.608	209.270.608	-
	Thuế môn bài		13.500.000	13.500.000	
	Các loại thuế khác	22.563.687	34.194.327	56.758.014	-
	Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	148.602.600	530.870.500	535.600.000	143.873.100
	<b>Tổng cộng</b>	-	<b>8.559.832.334</b>	<b>8.539.501.180</b>	<b>1.254.052.744</b>

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Trong đó:

**Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:**

Thuế GTGT

Thuế TNDN

Thuế TNCN

Thuế tài nguyên

Các loại thuế khác

Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác

**Tổng cộng**

Cuối năm	Đầu năm
364.151.802	136.964.856
530.335.548	593.306.871
214.861.144	331.411.296
831.150	872.280
-	22.563.687
143.873.100	148.602.600
<b>1.254.052.744</b>	<b>1.233.721.590</b>

Số thuế phải nộp của doanh nghiệp chưa được Cơ quan Thuế quyết toán. Do đó, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

### 15. Phải trả công nhân viên

- Lương công nhân viên

**Tổng cộng**

Cuối năm	Đầu năm
2.418.112.927	1.326.449.508
<b>2.418.112.927</b>	<b>1.326.449.508</b>

### 16. Chi phí phải trả

- Chi phí phải trả ngắn hạn (\*)

**Tổng cộng**

Cuối năm	Đầu năm
450.000.000	667.375.000
<b>450.000.000</b>	<b>667.375.000</b>

(\*) Là khoản lãi trái phiếu phải trả cho các trái chủ với tổng mệnh giá là 20.000.000.000 đồng, lãi suất trái phiếu thả nổi và được xác định bằng lãi suất huy động bằng Đồng Việt Nam tiền gửi bình quân 12 tháng của 03 Ngân hàng là Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng Công thương Việt Nam (Viettinbank) và Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) cộng thêm 3%.

Kỳ hạn trả lãi: cuối mỗi 06 tháng trả một lần.

### 17. Doanh thu chưa thực hiện

#### a Ngắn hạn

- Doanh Thu nhận trước: MB HT2\_Vietnammobile

- Doanh Thu nhận trước: MB xây bột đất\_NTLTB

**Tổng cộng**

Cuối năm	Đầu năm
34.545.456	34.545.456
7.061.818	6.783.636
<b>41.607.274</b>	<b>41.329.092</b>

#### b Dài hạn

- Doanh Thu nhận trước: Chăm sóc mộ Lái Thiêu

- Doanh Thu nhận trước: Chăm sóc mộ Nghĩa trang Dĩ An

**Tổng cộng**

Cuối năm	Đầu năm
4.829.555.153	3.151.142.138
745.350.000	637.970.000
<b>5.574.905.153</b>	<b>3.789.112.138</b>

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm



Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

43.036.572

Cuối năm	Đầu năm
12.000.000	
12.000.000	-



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 21. Vay và nợ thuê tài chính

a	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	Đầu năm		Trong năm		Cuối năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	Vay dài hạn						
	- Vay và nợ dài hạn (*)	20.000.000.000	20.000.000.000			20.000.000.000	20.000.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>

(\*) Là khoản nợ phát hành trái phiếu theo Hợp đồng tư vấn phát hành và bảo lãnh phát hành trái phiếu riêng lẻ số : 07/2013/H ĐTV/PH-BLPH ngày 23 tháng 08 năm 2013 giữa Công ty với Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất với nội dung như sau:

Tên trái phiếu: Trái phiếu phát hành riêng lẻ của Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương

Loại trái phiếu: Trái phiếu phát hành riêng lẻ

Mã trái phiếu: BPS-B2013

Hình thức trái phiếu: Chứng chỉ vật chất

Lãi suất trái phiếu: lãi suất trái phiếu thả nổi và được xác định bằng lãi suất huy động bằng Đồng Việt Nam tiền gửi bình quân 12 tháng của 03 Ngân hàng là Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng Công thương Việt Nam (Viettinbank) và Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) cộng thêm 3%.

Kỳ hạn trả lãi: 06 tháng trả một lần

Mệnh giá trái phiếu: 500.000.000 đồng/01 trái phiếu

Tổng số phiếu chào bán: 40 trái phiếu

Tổng giá trị trái phiếu chào bán: 20.000.000.000 đồng

Kỳ hạn trái phiếu: 05 năm

Thời điểm phát hành: Quý III/2013



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 22. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	45.000.000.000			9.063.312.320	16.899.321.002		70.962.633.322
Tăng vốn năm trước	9.000.000.000	-		4.516.360.780			13.516.360.780
Giảm vốn năm trước							
Lãi trong năm trước					13.007.343.067		13.007.343.067
Chuyển tăng vốn trong năm					(9.000.000.000)		(9.000.000.000)
Trích quỹ từ LN sau thuế				-	-		-
Giảm khác					(126.255.208)		(126.255.208)
Số dư cuối năm trước	54.000.000.000	-	-	13.579.673.100	20.780.408.861	-	88.360.081.961
Tăng vốn năm nay	-		-	1.951.101.460			1.951.101.460
Giảm vốn năm nay	-						-
Lãi trong năm					18.125.539.475		18.125.539.475
Chia cổ tức					-		-
Trích quỹ từ LN sau thuế					(3.251.835.767)		(3.251.835.767)
Giảm khác					-		-
Số dư cuối năm nay	54.000.000.000	-	-	15.530.774.560	35.654.112.569	-	105.184.887.129



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

### b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn góp của nhà nước

- Vốn góp của các đối tượng khác

Trong đó

- Do pháp nhân nắm giữ

- Do cá nhân nắm giữ

Chi tiết các thành viên góp vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Tổng công ty Đầu Tư & KD Vốn Nhà Nước (SCIC)

- Ông Trần Danh

- Ông Lê Hữu Nghĩa

- Các cổ đông khác

**Tổng cộng**

Cuối năm

Đầu năm

54.000.000.000

54.000.000.000

16.200.000.000

16.200.000.000

37.800.000.000

37.800.000.000

Số tiền

%

16.200.000.000

30%

8.905.990.000

16%

5.781.060.000

11%

23.112.950.000

43%

54.000.000.000

100%

### c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

+ Vốn góp đầu năm

+ Vốn góp tăng trong năm

+ Vốn góp giảm trong năm

+ **Vốn góp cuối năm**

- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

Năm nay

Năm trước

54.000.000.000

45.000.000.000

9.000.000.000

-

54.000.000.000

54.000.000.000

9.000.000.000

### d. Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)

+ Cổ phiếu phổ thông

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

+ Cổ phiếu phổ thông

Cuối năm

Đầu năm

-

-

5.400.000

5.400.000

5.400.000

5.400.000

### đ. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:

Cuối năm

Đầu năm

3.357

2.409

### e. Quỹ đầu tư phát triển

- Số dư đầu năm

Tăng do chuyển từ quỹ dự phòng tài chính

Tăng từ trích LNST

Giảm trong năm

- **Số dư cuối năm**

Năm nay

Năm trước

13.579.673.100

9.063.312.320

-

4.516.360.780

1.951.101.460

-

-

15.530.774.560

13.579.673.100



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	Năm nay	Năm trước
<b>01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>336.321.175.966</b>	<b>251.538.294.532</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng		-
+ Doanh Thu Cơ Sở Mai Táng		-
+ Doanh Thu xây mộ Nghĩa Trang Lái Thiêu	3.139.014.724	3.122.040.000
+ Doanh Thu xây mộ Nghĩa Trang Dĩ An	2.641.400.000	3.040.700.000
+ Doanh Thu bán hàng Cửa hàng tự Lực	245.667.887.832	180.298.157.727
+ Doanh Thu bán hàng CHTL Tân Uyên	45.208.612.486	30.302.956.288
+ Doanh Thu bán hàng khác		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.065.251.019	29.702.745.980
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	9.599.009.905	5.071.694.537
Doanh thu khác		-
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<b>336.321.175.966</b>	<b>251.538.294.532</b>
<b>02. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn bán hàng Cơ Sở Mai Táng		-
Giá vốn xây mộ Nghĩa Trang Lái Thiêu	2.043.434.979	2.130.623.837
Giá vốn xây mộ Nghĩa Trang Dĩ An	1.629.032.600	1.807.562.332
Giá vốn bán hàng Cửa hàng Tự Lực	241.526.731.546	177.789.366.319
Giá vốn bán hàng CHTL Tân Uyên	44.478.021.675	29.872.414.201
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.329.353.654	15.328.522.624
<b>Tổng cộng</b>	<b>304.006.574.454</b>	<b>226.928.489.313</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 03. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi

Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu

Cổ tức, lợi nhuận được chia

Doanh thu bán cổ phiếu

**Tổng cộng**

**Năm nay**

**Năm trước**

115.474.401

76.587.390

85.050.000

273.123.500

977.000.000

**200.524.401**

**1.326.710.890**

### 04. Chi phí tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư

Lãi trái phiếu

Hoàn nhập dự phòng cổ phiếu

Chi phí lãi vay

Hoa hồng bán đất

Chi phí tài chính khác

**Tổng cộng**

**Năm nay**

**Năm trước**

30.000.000

1.945.571.726

1.921.700.000

(135.000.000)

-

515.261.250

188.152.800

86.600.000

4.964.850

4.215.120

**2.003.689.376**

**2.557.776.370**

### 05. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên

Chi phí khấu hao tài sản cố định

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí bằng tiền khác

**Tổng cộng**

**Năm nay**

**Năm trước**

2.017.357.822

1.609.157.978

283.560.654

245.567.364

46.914.906

40.496.405

1.013.628.385

979.802.874

**3.361.461.767**

**2.875.024.621**

### 06. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý

Chi phí vật liệu quản lý

Chi phí khấu hao tài sản cố định

Thuế, phí và lệ phí

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí bằng tiền khác

**Tổng cộng**

**Năm nay**

**Năm trước**

3.600.362.875

3.533.948.733

86.135.687

57.332.515

233.652.432

233.652.432

103.274.151

87.732.364

227.731.440

52.885.643

1.657.871.958

1.331.261.119

**5.909.028.543**

**5.296.812.806**

### 07. Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác

**Tổng cộng**

**Năm nay**

**Năm trước**

1.513.655.639

936.363.491

**1.513.655.639**

**936.363.491**

Các khoản thu nhập khác chiếm đa số là các khoản thu tiền hoa hồng bán hàng bia cho Công ty TNHH Bia và Nước Giải Khát Việt Nam.



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Năm nay	Năm trước
<b>08. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	22.754.601.866	16.143.265.803
Cộng các khoản chi phí không được trừ	314.901.472	633.193.491
Thu nhập không chịu thuế tính thuế	85.050.000	273.123.500
Thu nhập tính thuế	22.984.453.338	16.503.335.794
- Thu nhập tính thuế 10%	3.562.644.533	4.123.426.165
- Thu nhập tính thuế 22%	19.421.808.805	12.379.909.629
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>4.629.062.391</b>	<b>3.135.922.736</b>
<b>09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu;	290.259.908.396	215.734.227.623
Chi phí nhân công;	11.503.103.522	11.480.642.615
Chi phí khấu hao tài sản cố định;	1.588.802.493	1.627.259.141
Chi phí dịch vụ mua ngoài;	1.211.754.401	1.063.718.464
Chi phí khác bằng tiền.	10.717.185.328	7.752.255.267
<b>Tổng cộng</b>	<b>315.280.754.140</b>	<b>237.658.103.110</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Công cụ tài chính

#### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (các khoản vay trừ tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ lỗ lũy kế)

#### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác nhận giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Các loại công cụ tài chính

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.778.323.104		9.468.874.772	
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	9.513.260.653	(52.898.100)	5.610.479.452	(52.898.100)
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	67.028.510.000	(120.000.000)	62.928.510.000	(255.000.000)
<b>Tổng cộng</b>	<b>88.320.093.757</b>	<b>(172.898.100)</b>	<b>78.007.864.224</b>	<b>(307.898.100)</b>

### Công nợ tài chính

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán, phải trả khác	1.142.653.699	7.827.759.671
Các khoản nợ vay và nợ thuê tài chính	20.000.000.000	20.000.000.000
Chi phí phải trả	450.000.000	667.375.000
Dự phòng phải trả	12.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.604.653.699</b>	<b>28.495.134.671</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### a. Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

##### (i) Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ trong đó đối với hoạt động kinh doanh xuất khẩu, các khách hàng đối tác nước ngoài và các khoản vay ngoại tệ.



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

### (ii) Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải trả cho các khoản vay có gốc ngoại tệ. Công ty quản lý rủi ro bằng việc phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để tối đa hoá lãi suất có lợi cho Công ty và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro. Ban giám đốc đánh giá rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

### (iii) Rủi ro về giá

Các khoản đầu tư bao gồm cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết, hợp đồng hợp tác đầu tư của Công ty bị ảnh hưởng bởi các rủi ro do sự biến động của thị trường chứng khoán ảnh hưởng đến giá trị tương lai của các khoản đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, đa dạng hoá danh mục đầu tư và các mức giới hạn hiện thực lãi, cắt lỗ.

Đối với Công ty Ban giám đốc đánh giá rủi ro về giá tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

### b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Các rủi ro tín dụng chủ yếu từ các khoản phải thu và tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác của Công ty.

Đối với các khoản phải thu, Công ty thường xuyên theo dõi và đánh giá các khoản phải thu và lập dự phòng phải thu khó đòi kịp thời cho từng khách hàng (nếu có) khi lập báo cáo tài chính.

### c. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thoả thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại ngày 31/12/2015	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Cộng
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.778.323.104		11.778.323.104
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	7.145.976.553	2.314.386.000	9.460.362.553
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn		66.908.510.000	66.908.510.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.924.299.657</b>	<b>69.222.896.000</b>	<b>88.147.195.657</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	919.410.299	223.243.400	1.142.653.699
Phải trả vay và nợ thuê tài chính	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Chi phí phải trả	450.000.000		450.000.000
Dự phòng phải trả	12.000.000		12.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.369.410.299</b>	<b>20.223.243.400</b>	<b>21.604.653.699</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>17.554.889.358</b>	<b>48.999.652.600</b>	<b>66.542.541.958</b>

Tại ngày 01/01/2015

### Tài sản tài chính

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.468.874.772		9.468.874.772
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	3.894.762.352	1.662.819.000	5.557.581.352
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn		62.673.510.000	62.673.510.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.363.637.124</b>	<b>64.336.329.000</b>	<b>77.699.966.124</b>

### Công nợ tài chính

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	7.651.516.271	176.243.400	7.827.759.671
Phải trả vay và nợ thuê tài chính	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Chi phí phải trả	667.375.000		667.375.000
Dự phòng phải trả	-		-
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.318.891.271</b>	<b>20.176.243.400</b>	<b>28.495.134.671</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>5.044.745.853</b>	<b>44.160.085.600</b>	<b>49.204.831.453</b>

2. Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### Các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày theo Quyết định 15)	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày theo Thông tư 200)	Chênh lệch trình bày lại
- Phải thu ngắn hạn khác	59.604.958	540.744.958	481.140.000
- Tài sản ngắn hạn khác	481.140.000	-	(481.140.000)
- Phải thu dài hạn khác		1.662.819.000	1.662.819.000
- Tài sản dài hạn khác	1.662.819.000	-	(1.662.819.000)



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

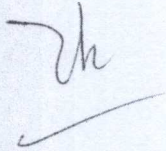
## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

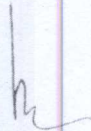
### 3. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2015 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

Ngày 25 tháng 03 năm 2016



Võ Thị Thanh Thảo  
Người lập biểu



Đồng Thị Ngân Thương  
Kế toán trưởng



Trần Danh  
Tổng Giám đốc